

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HS-ST

Ngày 22-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Thúy.

2. Ông Lý Văn Chính.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Tâm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Biên và bà Phùng Thị Thêu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/02/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2023/HSST, ngày 11 tháng 01 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Lý Văn T; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 13 tháng 7 năm 1970; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 1B, phường Đ, TP B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Lý Văn K (đã chết), con bà Hoàng Thị T1; Bị cáo có vợ là Lê Thị Hà (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/4/2014, Lý Văn T bị Công an thị xã Bắc Kạn (nay là thành phố Bắc Kạn) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “đánh nhau”, hình thức phạt tiền, mức phạt 750.000đ. Ngày 29/4/2014 đã nộp phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T: Luật sư Nguyễn Đức Năng và Luật sư Vũ Văn Chương của Công ty TNHH Năng & Partner thuộc Đoàn luật sư Hà Nội.

Địa chỉ: Số 32 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

*** Bị hại:** Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1974.

ĐKKHKT: Số 627 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh,

Tạm trú tại: Tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt).

Nghề nghiệp: Kinh doanh.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Hoàng Thị T1, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Tổ 1B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Hưu trí. (Có mặt).

* *Người làm chứng:*

- Đinh Hữu T2, sinh năm 1966. (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu C1, xã B, huyện N, tỉnh B.

Tạm trú tại: Tổ 17, phường S, thành phố B, tỉnh B.

- Nguyễn Viết V, sinh năm 1956. (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, phường Đ, thành phố B.

- Triệu Thị T3, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 1A, phường Đ, thành phố B.

- Nguyễn Lý D, sinh năm 1985. (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 9A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đào T1 T4, sinh năm 1981. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, phường C, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/4/2009, ông Đinh Hữu T2 được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 209817 đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 1, diện tích là 7358m² loại đất rừng sản xuất, địa chỉ thửa đất tại tổ 1A, phường Đ, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh B.

Ngày 02/02/2016, bà Nguyễn Thị Thu N nhận chuyển nhượng của ông Đinh Hữu T2 1112,4m² đất rừng sản xuất của thửa số 25 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 209817 nói trên. Bà N đã làm thủ tục sang tên và được chỉnh lý trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nội dung như sau: “Ngày 02/02/2016 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thu N diện tích 1112,4m² đất rừng sản xuất tại thửa số 536, tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 theo quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 02/02/2016. Diện tích đất lâm nghiệp trùm lên các hộ gia đình là 2022,8m², diện tích còn lại của bà là 4222,8m²”.

Đến năm 2019, ông Đinh Hữu T2 tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất còn lại là 4222,8m² cho bà Nguyễn Thị Thu N, tuy nhiên đến ngày 11/9/2020, ông Đinh Hữu T2 và bà Nguyễn Thị Thu N mới thực hiện việc lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định và ông T2 đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 209817 cho bà N để làm thủ tục sang tên.

Quá trình điều tra xác định: Phần diện tích 2022,8m² đất lâm nghiệp trùm lên các hộ gia đình theo nội dung chỉnh lý trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là đo trùm lên các hộ gia đình gồm: ông Nông Văn Hòe, trú tại tổ Bản Vền, phường H, thành phố B, tỉnh B; ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị V, cùng trú tại Tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; ông Lê Mạnh H, trú tại

phường T, thành phố T, tỉnh T. Phần diện tích đất này các hộ gia đình trên đã chuyển nhượng toàn bộ cho bà Nguyễn Thị Thu N vào ngày 26/10/2015 và đã được Sở Tài nguyên môi T tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 043431 ngày 27/7/2017 mang tên người sử dụng đất là công ty TNHH Thái Sơn Bắc Kạn (do bà Nguyễn Thị Thu N làm Giám đốc). Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đinh Hữu T2 và những hộ gia đình nói trên, bà Nguyễn Thị Thu N đã thuê người san ủi khu đất này để tạo mặt bằng phục vụ hoạt động kinh doanh.

Ngày 24/3/2020, bà Hoàng Thị T1 có đơn gửi Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với ông Đinh Hữu T2 đối với khu đất thuộc tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Bà T1 cho rằng bà có 794,3m² đất nằm trong phần diện tích đất mà Ủy ban nhân dân thị xã Bắc Kạn (nay là thành phố Bắc Kạn) đã cấp cho ông Đinh Hữu T2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 209817. Ủy ban nhân dân phường Đức Xuân đã tiến hành hòa giải nhưng cả hai lần hòa giải ông Đinh Hữu T2 đều vắng mặt nên việc hòa giải không thành. Ủy ban nhân dân phường Đức Xuân đã hướng dẫn bà T1 gửi đơn đến Tòa án nhân dân để giải quyết.

Ngày 28/10/2020, bà Nguyễn Thị Thu N nộp hồ sơ đăng ký biến động đất đai do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đinh Hữu T2 đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Kạn để hoàn thiện thủ tục sang tên. Quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bắc Kạn thấy ranh giới thửa đất trên bản đồ và thực địa chưa rõ ràng, cần thiết phải đo đạc lại để xác minh chính xác diện tích thực tế sử dụng thửa đất nên có công văn số 957/CV-CNVPĐK ngày 10/11/2020 trả lời bà N và hướng dẫn để hoàn thiện hồ sơ. Tuy nhiên, cho đến nay bà N chưa hoàn thiện được hồ sơ đăng ký biến động đất đai để nộp lại do quá trình đo đạc xong chưa thống nhất được mốc giới đã đo đạc với một số hộ giáp ranh.

Khoảng cuối năm 2021 và đầu năm 2022, bà Nguyễn Thị Thu N có mua một số cây Lê, cây Ban Hoàng Hậu (của anh Đào T1 T4), cây Vú Sữa về rồi cùng ông Nguyễn Viết V và bà Triệu Thị T3 trồng các loại cây trên tại khu đất nhận chuyển nhượng của ông Đinh Hữu T2 phía sau nhà hàng Sơn Nữ thuộc tổ 1A, phường Đ, thành phố B (trong đó có khu đất bà T1 đang tranh chấp).

Khoảng 17 giờ 00 ngày 19/6/2022, Lý Văn T (là con trai bà Hoàng Thị T1) điều khiển xe mô tô chở theo Nguyễn Lý D (là cháu ngoại bà T1) đến khu vực đất đồi sau nhà hàng Sơn Nữ thuộc tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (là khu đất bà N đã trồng một số cây Lê, cây Ban Hoàng Hậu, cây Vú Sữa nói trên và bà Hoàng Thị T1 cho rằng là đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình). Khi đến nơi, T nhìn thấy có người khác đã trồng cây lên khu đất mà T cho rằng thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình mình nên T đã dùng một con dao bằng kim loại có một lưỡi sắc, cán bằng gỗ chặt phá và dùng tay nhỏ bật gốc tổng cộng 23 (hai mươi ba) cây trong đó có 13 (mười ba) cây Lê, 07 (bảy) cây Ban Hoàng Hậu, 03 (ba) cây Vú Sữa của bà Nguyễn Thị Thu N. Ngoài ra, T và D cùng nhau khiêng bộ bàn ghế đá của bà N đặt tại khu đất trên ra khỏi vị trí ban đầu khoảng 05m. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở D đi về nhà.

Quá trình Lý Văn T có hành vi hủy hoại tài sản, bà Nguyễn Thị Thu N là người chứng kiến và dùng điện thoại di động ghi lại hình ảnh T thực hiện hành vi chặt, nhổ cây. Sau đó, bà N đã trình báo vụ việc đến Công an phường Đ, thành phố B, đề nghị giải quyết theo quy định.

Cùng ngày 19/6/2022, sau khi nhận được tố giác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn tiến hành khám nghiệm hiện T, qua đó đã xác định tại hiện T có tổng cộng: 13 (mười ba) cây Lê có đường kính gốc trung bình 01cm; 03 (ba) cây Vú Sữa có đường kính gốc từ 2,5cm đến 4cm và 07 (bảy) cây hoa Ban Hoàng Hậu có đường kính gốc từ 5cm đến 6,5cm đã bị nhổ bật gốc và chặt hạ. Tại vị trí cây trồng bị nhổ, phần đất bị cây xới tung bật, đất còn mới.

Theo bà N khai, tổng số cây bị Lý Văn T hủy hoại có trị giá là 21.950.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 174/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 17/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Kạn kết luận: “13 (mười ba) cây Lê, 07 (bảy) cây Ban Hoàng Hậu và 03 (ba) cây Vú Sữa trồng từ năm 2021 và năm 2022 có đường kính từ 2,5cm đến 6,5cm. Giá trị tài sản là 10.750.000đ (mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, ban đầu Lý Văn T khai nhận toàn bộ hành vi chặt phá, nhổ cây của bà Nguyễn Thị Thu N. Tuy nhiên, sau đó Lý Văn T thay đổi lời khai, cho rằng những cây bị cáo chặt, nhổ ngày 19/6/2022 là những cây tạp còn sót lại sau khi đồi cây của gia đình bị bà N san ủi. Tại phiên tòa bị cáo lại thành khẩn khai nhận hành vi hủy hoại tài sản của bà N.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn đã tạm giữ: Mẫu lá và cành cây Lê; mẫu lá và cành cây Vú Sữa; mẫu lá và cành cây Ban Hoàng Hậu; 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao quắm có một lưỡi sắc, cán bằng gỗ, dao đã qua sử dụng. Các vật chứng này hiện đang được bảo quản theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thu N yêu cầu bị cáo Lý Văn T bồi thường đối với số cây bị T hủy hoại với tổng số tiền là 10.750.000 đồng (Mười triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tại giai đoạn điều tra, truy tố, bị cáo không nhất trí bồi thường cho bị hại và chưa bồi thường cho bị hại N. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại Nguyễn Thị Thu N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng số 08/CT - VKSTPBK ngày 11/01/2023 truy tố bị cáo Lý Văn T về tội “*Hủy hoại tài sản*” và tại bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Lý Văn T phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Lý Văn T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại. Áp dụng Điều 48/BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại N số tiền 10.750.000đ.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS, tịch thu, tiêu hủy: Mẫu lá và cành cây Lê; mẫu lá và cành cây Vú Sữa; mẫu lá và cành cây Ban Hoàng Hậu; 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao quắm có một lưỡi sắc, cán bằng gỗ, dao đã qua sử dụng.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo T: Nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Lý Văn T nói lời sau cùng có ý kiến mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lý Văn T đã thừa nhận mình đã chặt, nhổ các cây Lê, Ban Hoàng Hậu, Vú Sữa của bà N. Những cây này sau khi bị bị cáo chặt, nhổ đều đã chết. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 19/6/2022, tại khu đồi đằng sau nhà hàng Sơn Nữ thuộc tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Lý Văn T đã có hành vi dùng một con dao bằng kim loại có một lưỡi sắc, cán bằng gỗ chặt hạ và dùng tay nhỏ bật gốc tổng cộng 23 (hai mươi ba) cây, trong đó 13 (mười ba) cây Lê, 07 (bảy) cây Ban Hoàng Hậu và 03 (ba) cây Vú Sữa có đường kính từ 2,5cm đến 6,5cm của bà Nguyễn Thị Thu N. Hậu quả làm toàn bộ 23 (hai mươi ba) cây nói trên bị chết, gây thiệt hại về tài sản của bà Nguyễn Thị Thu N với tổng trị giá là 10.750.000đ (Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[3] Hành vi nêu trên của Lý Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Huỷ hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017). Điều luật có nội dung:

“Điều 178. Tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản

Người nào huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng

thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Đây là lần đầu bị cáo phạm tội và thuộc T hợp ít nghiêm trọng; Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo có bố là Lý Văn Kiêm và mẹ là bà Hoàng Thị T1 là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương kháng chiến. Vì vậy bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

[6] Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ổn định, bị cáo lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, gia đình, người thân của bị cáo sẽ gặp nhiều khó khăn nếu bị cáo phải đi chấp hành án ở trại cải tạo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo còn phải phụng dưỡng mẹ già. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cuộc sống xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục vẫn đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Do vậy cần chấp nhận đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và không có tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo không có tính khả thi. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại N và bị cáo đã thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường. Cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

[11] Về vật chứng của vụ án: + Đối với vật chứng là mẫu lá và cành cây Lê; mẫu lá và cành cây Vú Sữa; mẫu lá và cành cây Ban Hoàng Hậu, bị hại Nguyễn Thị Thu N không yêu cầu được lấy lại. Hội đồng xét xử xét thấy không còn giá trị, giá trị sử dụng, do vậy cần tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao quắm có một lưỡi sắc, cán bằng gỗ, dao đã qua sử dụng, là công cụ mà bị cáo T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy không còn giá trị, giá trị sử dụng, do vậy cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] Đối với Nguyễn Lý D, là người đi cùng Lý Văn T đến khu đất đồi đằng sau nhà hàng Sơn Nữ vào ngày 19/6/2022. Tuy nhiên, D không xúi giục hay tham gia giúp sức cho Lý Văn T chặt, nhổ cây nên không có căn cứ để xem xét xử lý đối với Nguyễn Lý D là đồng phạm với Lý Văn T về hành vi hủy hoại tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, D còn giúp Lý Văn T xê dịch bộ bàn ghế đá của bà Nguyễn Thị Thu N ra khỏi vị trí ban đầu, nhưng việc xê dịch không nhằm mục đích chiếm đoạt và không gây hư hỏng tài sản nên không có căn cứ để xử lý đối với hành vi trên. Do vậy không xem xét, xử lý đối với Nguyễn lý D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Đối với bà Hoàng Thị T1 là người đã nhờ T và D lên khu đất tranh chấp. Tuy nhiên bà T1 chỉ nhờ T và D đi kiểm tra, không có sự bàn bạc với T, cũng không xúi giục hay yêu cầu T thực hiện hành vi hủy hoại tài sản của bà N. Bà T1 chỉ được biết sự việc T hủy hoại tài sản của bà N sau khi sự việc đã xảy ra. Do vậy không xem xét, xử lý đối với bà Hoàng Thị T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[14] Quá trình điều tra vụ, bà Hoàng Thị T1 và Lý Văn T khai khu đất nơi Lý Văn T có hành vi “Hủy hoại tài sản” của bà Nguyễn Thị Thu N tại tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn là thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Hoàng Thị T1, có nguồn gốc do tổ tiên để lại, đã canh tác từ năm 1969, tuy nhiên thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến thời điểm bà Nguyễn Thị Thu N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đinh Hữu T2 và tiến hành san ủi mặt bằng thì bà T1 và T mới biết việc khu đất nói trên đã được Ủy ban nhân dân thị xã Bắc Kạn (nay là thành phố Bắc Kạn) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Hữu T2 và nằm trong khu đất ông T2 đã chuyển nhượng cho bà N. Đối với nội dung này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Đức Xuân, Phòng Tài nguyên và Môi T thành phố Bắc Kạn xác định có việc bà T1 có đơn đề nghị các cơ quan trên giải quyết việc tranh chấp đất đai với ông Đinh Hữu T2 đối với thửa đất có địa chỉ tại tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Do thửa đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân thị xã Bắc Kạn (nay là thành phố Bắc Kạn) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Hữu T2 nên Ủy ban nhân dân phường Đức Xuân; Phòng Tài nguyên và môi T thành phố Bắc Kạn có văn bản trả lời hướng dẫn bà Hoàng Thị T1 khởi kiện ra Tòa án để được giải quyết theo thẩm quyền. Đến ngày 06/9/2022, bà Hoàng Thị T1 có đơn khởi kiện ông Đinh Hữu T2 ra Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Hiện nay vụ án đang được Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lý Văn T phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017: Xử phạt bị cáo Lý Văn T 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường Đức Xuân nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Trong T hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Bị cáo T bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thu N số tiền 10.750.000đ.

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

3. Về Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 106/BLTTHS 2015, tịch thu, tiêu hủy: Mẫu lá và cành cây Lê; mẫu lá và cành cây Vú Sữa; mẫu lá và cành cây Ban Hoàng Hậu; 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao quắm có một lưỡi sắc, cán bằng gỗ, dao đã qua sử dụng

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lý Văn T phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 537.500đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ quan. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tp;
- Công an tp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS tp;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án

Lê Thị Hiền